TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 40/2023/DS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khon Sốc;
2. Bà Lê Huỳng Ngọc Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 21, 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2023 về: *"Tranh chấp hợp đồng hụi"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXX- DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1963; địa chỉ cư trú: Tổ H, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang

Đồng bị đơn: Ông Trần Văn Ơ, sinh năm: 1964 – bà Nguyễn Thị L (G), sinh năm: 1973; cùng địa chỉ cư trú: Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, có mặt bà V; vắng mặt bà L – ông Ơ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2023 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà với ông Trần Văn Ơ – bà Nguyễn Thị L (G) là quen thân. Thấy ông Ơ – bà L là người làm ăn mua bán và có uy tín, nên từ tháng 05al/2021 đến tháng 6al/2022 cho ông Ơ – bà L tham gia 03 dây hụi do bà làm chủ. Cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 16/5al/2021, một tháng khui một lần, hụi gồm 32 phần, ông Ơ – bà L tham gia 03 phần và lần lượt hốt lần 1 ngày 16/01al/2022 số tiền 266.325.000 đồng; lần ngày 16/7al/2022 số tiền 283.190.000 đồng và lần 3 ngày 16/10al/2022 số tiền 285.620.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì ông Ơ – bà L có chầu hụi chết, nhưng còn lại 8 kỳ x 03 phần/01 kỳ x 10.000.000 đồng = 240.000.000 đồng không chầu.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 19/6al/2022, một tháng khui một lần, hụi gồm 30 phần, ông Ơ – bà L tham gia 02 phần và hốt lần 01 ngày 19/07al/2022 số tiền 220.650.000 đồng, lần 2 ngày 19/02al/2023, được 257.400.000 đồng. Ông Ơ – bà L có chầu trả đến lần thứ 12 thì ngưng, hiện còn lại 18 kỳ x 2 x 10.000.000 đồng = 360.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 25/01al/2022, nữa tháng khui 1 phần, hụi gồm 34 phần, ông Ơ – bà L tham gia 01 phần và hốt ở lần khui 25/02al/2022, được 144.900.000 đồng, ông Ơ – bà L có chầu đến lần thứ 29 còn lại 05 kỳ = 25.000.000 đồng, không chầu.

Ngoài ra, ông Ơ – bà L còn tham gia hụi ngày như sau:

- Ngày 20/12al/2022 ông Ơ – bà L tham gia 110 phần hụi, trị giá mỗi phần 47.000 đồng với có 60 người hốt 310.200.000 đồng, đến ngày 06/3al/2023 ông Ơ – bà L phải chầu trả thành 330.000.000 đồng.

- Ngày 09/02al/2023 ông Ơ – bà L tham gia 50 phần hụi, trị giá mỗi phần 47.000 đồng và có 60 người hốt 141.000.000 đồng, đến 06/4al/2023 ông Ơ – bà L phải chầu trả thành 150.000.000 đồng.

- Tháng 01al/2023 (không nhớ ngày) ông Ơ – bà L tham gia 40 phần hụi, trị giá mỗi phần 45.000 đồng và có 60 người hốt 108.000.000 đồng (trừ tiền thảo 1.000.000 đồng, còn lại 107.000.000 đồng), đến cuối tháng 3al/2023 ông Ơ – bà L phải trả thành 120.000.000 đồng. Tuy nhiên trong thời gian này ông Ơ – bà L nợ tiền hụi không chầu 120.000.000 đồng, nên bà trừ ngang và ông Ơ – bà L còn nợ lại bà 13.000.000 đồng.

Ông Ơ – bà L còn nợ các lần hụi trước đó không chầu, bà phải chầu choàng cho ông Ơ – bà L và hai bên kết sổ nhau 01 lần 67.500.000 đồng, 01 lần 15.000.000 đồng, cộng với 13.000.000 đồng trước thành 95.500.000 đồng.

Tổng các khoản nợ là 1.320.500.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Ơ – bà L phải trả ngay, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Ơ – bà L để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông bà vắng mặt.

Tại biên bản làm việc ngày 14/9/2023 của Tòa án, ông Ơ – bà L thừa nhận có tham gia hụi do bà V làm chủ và ông bà đã hốt xong, nhưng tham gia vào thời gian nào, tham gia mấy dây thì không nhớ. Ông bà cũng đã chầu trả và còn nợ bà V, nhưng nợ bao nhiêu thì ông bà cũng không nhớ. Quá trình tham gia hụi có chầu thiếu thì bà V có xuất tiền nhà ra choàng nhưng không biết bao nhiêu, chứ ông bà không có vay tiền của bà V. Nay ông bà cũng không có thời gian để đối chiếu nợ với bà V và bà V yêu cầu trả tổng cộng 1.320.500.000 đồng thì ông bà không đồng ý.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà L – ông Ơ thừa nhận có tham gia hụi và hốt hụi của bà V, thừa nhận của bà L – ông Ơ phù hợp với lời khai của các bà: Cánh, D, L. Do đó có cơ sở xác định thực tế giữa bà V và bà L – ông Ơ có hợp đồng hụi và hợp đồng vay. Tuy

nhiên, với từng yêu cầu của bà V. Căn cứ lời khai của bà với những người làm chứng được Tòa án thu thập có trong hồ sơ, có cơ sở đề nghị HĐXX chấp nhận các khoản sau:

Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 16/5al/2021, ông Ơ – bà L còn nợ đến nay chưa chầu 4 kỳ x 03 phần x 10.000.000 đồng = 120.000.000 đồng; hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 19/6al/2022, ông Ơ – bà L còn nợ đến nay chưa chầu 04 kỳ x 2 phần x 10.000.000 đồng = 80.000.000 đồng; hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 25/01al/2022, ông Ơ – bà L còn lại 05 kỳ = 25.000.000 đồng, không chầu; 110 phần hụi, ngày 20/12al/2022 ông Ơ – bà L nhận trị giá mỗi phần 47.000 đồng với có 60 người bằng 310.200.000 đồng; 50 phần hụi, tháng 01al/2023 ông Ơ – bà L nhận trị giá mỗi phần 45.000 đồng và có 60 người bằng 108.000.000 đồng và 95.500.000 đồng là tiền hụi bà L – ông Ơ nợ hụi trước tháng 4al/2023.

Đối với khoản 120.000.000 đồng của hụi 10.000.000 đồng ngày 16/5al/2021 và 280.000.000 đồng của hụi 10.000.000 đồng ngày 19/6al/2022 là chưa đến kỳ khui, nhưng tại phiên tòa bà V rút lại yêu cầu này, nên đề nghị HĐXX công nhận.

Riêng các khoản chênh lệch: 330.000.000 đồng – 310.200.000 đồng = 19.800.000 đồng; 150.000.000 đồng – 141.000.000 đồng = 9.000.000 đồng và 120.000.000 đồng – 108.000.000 đồng = 12.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Ông Ơ – bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa, nhưng ông bà văng mặt không lý do, nên HĐXX tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt ông Ơ – bà L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Cho rằng sau khi hốt hụi xong, ông Ơ – bà L không chầu hụi chết cho mình. Ngoài ra, quá trình ông Ơ – bà L chầu hụi trước đó còn thiếu thì bà V xuất tiền nhà ra choàng nhưng không trả nên bà V khởi kiện. Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà V Tòa án xác định quan hệ: *"Tranh chấp hợp đồng hụi*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định cả *"hợp đồng vay tài sản"* là chưa phù hợp.

[3]. Về thời hiệu - thẩm quyền: Các dây hụi sau khi hốt, ông Ơ - bà L không chầu trả cho bà V kể từ tháng 04al/2023 (tháng 5/2023), nên ngày 29/5/2023 bà V khởi kiện là còn trong thời hiệu quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Ông Ơ – bà L có nơi cư trú tại huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Các bên thống nhất có tham gia hụi, hốt hụi và chầu trả, nhưng tham gia bao nhiêu dây hụi và chầu trả bao nhiêu lần, còn nợ bao nhiêu bao tiền thì các bên không thống nhất, theo đó từng nội dung HĐXX xét thấy như sau:

[4.1]. Xét có hay không có tham gia hợp đồng:

Tại biên bản làm việc ngày 14/9/2023, ông Ơ – bà L thừa nhận có tham gia hụi

do bà V làm chủ và tất cả các dây hụi ông bà đã hốt xong, nhưng tham gia vào thời gian nào, tham gia mấy dây và còn nợ bao nhiêu thì ông bà không nhớ... Giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà V trình bày: Từ tháng 05al/2021 đến tháng 6al/2022 ông Ơ – bà L tham gia 03 dây hụi gồm 02 dây mỗi dây 10.000.000 đồng, 01 dây 5.000.000 đồng và 200 phần hụi ngày, mỗi phần 50.000 đồng. Trình bày của bà V đã được các bà Nguyễn Hồng D1, Nguyễn Thị N, Phạm Thị C, Nguyễn Thị L, Đặng Thị L1 và Nguyễn Thị G (Gái Chị) là những người tham gia chung với ông Ơ – bà L biết và chứng kiến. Như vậy có đủ cơ sở xác định ông Ơ – bà L có tham gia các dây hụi như bà V trình bày.

[4.2]. Xác định nợ:

Xét thấy vào ngày 21/6/2023, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Ơ – bà L thông báo về việc thụ lý vụ án, theo đó bà V kiện ông Ơ - bà L 1.320.500.000 đồng, nhưng ông Ơ - bà L không có ý kiến phản bác. Trong tổng khoản nợ 1.320.500.000 đồng, khi làm việc bà V nêu rõ có 625.000.000.000 đồng tiền hụi tháng, nữa tháng, 600.000.000 đồng tiền hụi ngày không chầu kể từ tháng 04al/2023 và 95.500.000 đồng tiền hụi chầu thiếu trước tháng 04al/2023, trên cơ sở bà L ký các biên nhận của bà V thì ông Ơ – bà L cũng không có ý kiến.

Quá trình tố tụng ông Ơ – bà L không hợp tác, ông bà thừa nhận nội dung làm việc tại biên bản ngày 14/9/2023 nhưng không đồng ý ký biên bản; ông bà cũng thừa nhận còn nợ bà V, nhưng không nhớ nợ bao nhiêu, trong khi Tòa án cho ông bà một thời gian để đối chất các khoản và bao gồm cả các biên nhận nhận tiền hụi của bà V thì ông bà không đồng ý… Từ đó cho thấy ông Ơ – bà L chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình đối với nợ bà V, nên việc bà V kiện ông Ơ – bà L phải trả 1.320.500.000 đồng là có cơ sở.

Tuy nhiên, do hụi tham gia giữa các bên là hụi nữa tháng, hụi 01 tháng và hụi ngày mở 01 kỳ. Tại biên bản lời khai ngày 02/8/2023 cũng như tại phiên tòa bà V trình bày: Tính đến ngày 15/9/2023 ông Ơ – bà L nợ bà tiền hụi tương ứng thời gian chưa chầu là 820.500.000 đồng và sau đó cứ mỗi tháng ông Ơ – bà L phải chầu trả cho bà 100.000.000 đồng, bởi do trong các dây hụi nêu trên, đến hiện tại còn lại dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 16/5al/2021 và dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 19/6al/2022 chưa mãn, nhưng bà V yêu cầu ông Ơ – bà L phải trả toàn bộ 1.225.000.000 đồng là bao gồm cả các phần hụi chưa khui như: Hụi 10.000.000 đồng mở ngày 16/5al/2021 còn 04 kỳ x 03 phần x 10.000.000 đồng/01 phần = 120.000.000 đồng; hụi 10.000.000 đồng mở ngày 19/6al/2022 còn 14 kỳ x 02 phần x 10.000.000 đồng/01 phần = 280.000.000 đồng. Tổng cộng 400.000.000 đồng là không phù hợp.

HĐXX chỉ chấp nhận các hoản như sau: Tổng tiền hụi bà V xuất ra choàng cho ông Ơ – bà L là 95.500.000 đồng; hụi ngày 200 phần x 50.000 đồng/01 phần x 60 ngày = 600.000.000 đồng; hụi 5.000.000 đồng mở ngày 25/01al/2021, còn 05 phần ông Ơ – bà L không chầu = 25.000.000 đồng; hụi 10.000.000 đồng mở ngày 16/5al/2021 từ ngày ông Ơ – bà L ngưng chầu đến nay là 04 kỳ x 03 phần x 10.000.000 đồng/01 phần = 120.000.000 đồng; hụi 10.000.000 đồng mở ngày 19/6al/2022 từ ngày ông Ơ – bà L ngưng chầu đến nay là 04 kỳ x 02 phần x 10.000.000 đồng/01 phần = 80.000.000 đồng. Tổng cộng ông Ơ – bà L phải trả cho bà V là 95.500.000 đồng + 600.000.000 đồng + 25.000.000 đồng + 120.000.000 đồng + 80.000.000 đồng = 920.500.000 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa, qua giải thích của HĐXX, bà V tự nguyện rút lại một phần yêu cầu trả 400.000.000 đồng đối với ông Ơ – bà L. Xét rút yêu cầu cuả bà V là phù hợp, nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu này của bà.

HĐXX cũng giải thích cho bà V biết được quyền khởi kiện ông Ơ – bà L tiếp những phần hụi còn lại đã khui nếu ông Ơ – bà L không chầu trả cho mình.

[4.3]. Xét về nghĩa vụ: Cũng qua xác minh thu thập chứng cứ tại các biên bản ngày 14/9/2023 của Tòa án, thì các bà Nguyễn Hồng D1, Nguyễn Thị N, Phạm Thị C, Nguyễn Thị L, Đặng Thị L1 và Nguyễn Thị G (Gái Chị) cùng cho biết: Ông Ơ – bà L (tên gọi khác là Gái E) là quan hệ vợ chồng, hai người cùng làm ăn mua bán tạp hóa tại chợ B, tiền hốt hụi của bà V là sử dụng chung trong gia đình, nên bà V kiện yêu cầu ông Ơ – bà L có nghĩa vụ liên đới trả là phù hợp với Điều 288 Bộ luật dân sự, HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị V được chấp nhận, nên bà V không phải chịu án phí; hoàn lại tiềm tạm ứng phí mà bà V đã đóng. Riêng ông Ơ – bà L phải cùng chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 288, 471 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

Buộc ông Trần Văn Ơ – bà Nguyễn Thị L (G) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị V 920.500.000 đồng *(chín trăm hai mươi triệu, năm trăm nghìn đồng)*

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị V buộc ông Trần Văn Ơ – bà Nguyễn Thị L (G) phải trả thêm 400.000.000 đồng *(bốn trăm triệu đồng)*.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải Thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L – ông Trần Văn Ơ phải cùng chịu 39.615.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị V 25.807.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0010100 ngày 05/6/2023.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ